

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty: Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Địa chỉ: Km9 **đường Bắc Thăng Long Nội Bài** (Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc)

Báo cáo thường niên: Năm 2007

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

- Việc thành lập : 02/11/2001
- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần (nếu có): Không
- Niêm yết : ngày 27/12/2006

2. Quá trình phát triển:

*) Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán: Sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm từ sữa.
- Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, các loại nước uống, nước trái cây.
- Buôn bán nguyên liệu, thiết bị vật tư và sản phẩm ngành sữa, ngành chế biến thực phẩm.
- Tư vấn, đầu tư nông công nghiệp.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, siêu thị.
- Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến thủy sản.
- Mua bán, xuất nhập khẩu đồ dùng cá nhân và gia đình, vật phẩm quảng cáo, tranh ảnh, đồ chơi (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự an toàn xã hội), máy móc, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.
- Đại lý mua bán và ký gửi hàng hoá.

3. Định hướng phát triển:

*) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thực phẩm tại tỉnh Bình Dương.
- Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thực phẩm tại huyện Đông Anh - Hà Nội.

- Đầu tư mua và xây dựng trang trại nuôi bò tại Tỉnh Vĩnh Phúc/ Tuyên Quang.
 - Tham gia góp vốn liên doanh xây dựng và kinh doanh Gara Ô tô.
 - Ngoài ra còn có một số hạng mục đầu tư khác khi có điều kiện.
- *) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- Mở rộng quy mô sản xuất của Nhà máy.
 - Phát triển thêm một số ngành nghề như: sản xuất nước trái cây, bánh kẹo vv...
 - Hợp tác liên doanh, liên kết vv...

II. Báo cáo của HĐQT - Ban Giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2006
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	49.20	38.24
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	50.80	61.76
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	36.15	42.64
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63.85	57.36
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	2.77	2.35
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1.49	1.18
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.17	0.10
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3.90	2.18
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	3.56	2.18
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4.82	3.52
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4.40	3.52

- Giá trị sổ sách thời điểm 31/12 của năm báo cáo: là nguồn vốn chủ sở hữu: 174.030.723.870 đồng
- Những thay đổi về vốn cổ đông: Tăng từ 70.495.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 10.000.000 cổ phiếu thường
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...) Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 10.000.000 cổ phiếu thường
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): Không có
- Cổ tức: Đã tạm ứng chi trả cổ tức 8% và sẽ thực hiện tiếp sau khi tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 – 2008.

2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD:

Trên cơ sở khai thác những điều kiện thuận lợi và khắc phục khó khăn, thách thức, với sự cố gắng của toàn thể ban lãnh đạo và CBCNV công ty, năm 2007 Hanoimilk đã đạt được những kết quả cụ thể sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐV tính</i>	<i>Kế hoạch</i>	<i>Thực hiện 2007</i>	<i>%Thực hiện/Kế hoạch</i>
1	Sản lượng sản xuất	Triệu lít	15.49	15,01	97
2	Doanh thu	Tỷ đồng	300.79	336,92	112
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.86	11,99	311
4	Lương bình quân	Triệu đồng	2.5	2,5	100

**) Về hoạt động sản xuất và chất lượng sản phẩm:*

Tổ chức sản xuất an toàn, tiết kiệm, duy trì sản xuất 03 ca thường xuyên để tiết kiệm năng lượng, giám sát việc sử dụng nguyên nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng theo định mức và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tiết kiệm được hàng tỷ đồng.

Công ty duy trì tốt công tác quản lý chất lượng nguyên vật liệu đầu vào cũng như giám sát, kiểm tra chặt chẽ chất lượng thành phẩm xuất ra thị trường, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản lý vệ sinh thực phẩm theo HACCP, ISO 9001-2000 và các quy định của nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra bất cứ sự cố nào làm ảnh hưởng đến uy tín của thương hiệu.

**) Về hoạt động kinh doanh:*

Công ty đã xây dựng được hệ thống nhân sự bán hàng ổn định và mở rộng mạng lưới các nhà phân phối trên cả nước.

Những tháng đầu năm độ bao phủ thị trường và doanh thu của công ty bị giảm. Công ty đã củng cố lại đội ngũ kinh doanh, tăng cường kênh bán hàng trực tiếp như siêu thị, trường học, công nghiệp. Đặc biệt, đẩy mạnh bán hàng trong chuỗi cửa hàng Hapro miền Bắc, Coop Mart miền Nam nên đã từng bước mở rộng thị phần.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Trong năm, công ty đã áp dụng sơ đồ tổ chức mới một cách khoa học và hiệu quả. Cuối năm 2007, tổng số lao động là 437 người, giảm khoảng 70 người so với năm 2006 trong khi vẫn duy trì hiệu quả cao.

Cán bộ kỹ thuật, bảo trì đã có thể vận hành và bảo trì thiết bị (những công việc trước đây phải thuê chuyên gia nên đã tiết kiệm được hàng tỷ đồng).

Hệ thống quản trị mạng, quản trị Marketing và thống kê dữ liệu hoạt động Marketing được củng cố, phát triển đảm bảo lưu trữ, cập nhật thường xuyên và cung cấp kịp thời thông tin cho Ban giám đốc điều hành sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bên cạnh những thuận lợi về lợi thế công nghệ, thiết bị thương hiệu, đội ngũ CBCNV, hệ thống nhân viên bán hàng và mạng lưới nhà phân phối thì trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức như lạm phát cao, giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào, các chi phí sản xuất tiếp tục tăng cao và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt.....

Ban lãnh đạo công ty đã phân tích và đánh giá những khó khăn, thách thức cũng như những thuận lợi của Công ty và đưa ra Kế hoạch cho năm 2008 như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐV tính</i>	<i>2007</i>
1	Sản lượng sản xuất	Triệu lít	17,5
2	Doanh thu	Tỷ đồng	400
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12.58

**) Các giải pháp để thực hiện kế hoạch đặt ra:*

- Duy trì sản xuất 03 ca, tăng cường kiểm tra, giám sát nguyên - nhiên vật liệu theo định mức, cắt giảm chi phí quản lý, triệt để thực hành tiết kiệm.

- Xây dựng trại bò giống ở Vĩnh Phúc và hỗ trợ chăn nuôi bò sữa ở các vùng lân cận để phát triển nguồn nguyên liệu sữa tươi trong nước và gắn kết hoạt động của Hanoimilk với người chăn nuôi.

- Giữ vững thị trường hiện có, tập trung mở rộng thị phần tại Hà Nội và các thành phố và thị xã lớn. Xây dựng các khu vực trọng điểm thành thị trường kiểu mẫu.

- Triển khai chương trình Marketing đồng bộ và hiệu quả.

- Tăng cường cho hoạt động quảng bá thương hiệu tại các siêu thị, trường học, hội chợ....

- Gia tăng trưng bày sản phẩm nhằm tăng độ bao phủ, mở rộng hệ thống các nhà phân phối.

- Xây dựng chế độ, chính sách hợp lý và môi trường làm việc bình đẳng để giữ và thu hút được nhiều cán bộ giỏi, tâm huyết.

- Tiếp tục xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, trình độ chuyên môn cao, giỏi nghiệp vụ và có trách nhiệm, tâm huyết để dần tiếp cận và đảm đương những vị trí chủ chốt.

- Thực hiện chế độ tài chính kế toán theo quy định hiện hành.

III. Báo cáo Tài chính:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	31/12/2006	31/12/2007
<i>I</i>	Tài sản ngắn hạn	78,862,770,114	134,104,834,245
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6,659,353,109	15,111,072,925
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		36,356,120,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	21,605,750,265	40,942,222,193
4	Hàng tồn kho	47,118,368,368	40,076,693,514
5	Tài sản lưu động khác	3,479,298,372	1,618,725,613
<i>II</i>	Tài sản dài hạn	127,342,392,917	138,445,281,697
1	Các khoản phải thu dài hạn		

2	Tài sản cố định	127,342,392,917	131,929,486,066
	+ Tài sản cố định hữu hình	97,214,777,621	97,199,337,095
	+ Tài sản cố định vô hình	244,895,080	222,023,304
	+ Tài sản cố định thuê tài chính	29,373,435,472	23,408,125,667
	+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	509,284,744	11,100,000,000
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		6,290,000,000
5	Tài sản dài hạn khác		225,795,631
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	206,205,163,031	272,550,115,942
IV	Nợ phải trả	87,924,170,441	98,519,392,072
1	Nợ ngắn hạn	66,671,664,354	90,284,187,272
2	Nợ dài hạn	21,252,506,087	8,235,204,800
V	Vốn chủ sở hữu	118,280,992,590	174,030,723,870
1	Vốn chủ sở hữu	116,606,196,145	174,011,765,816
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70,495,000,000	100,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	35,000,000,000	63,778,796,500
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	5,709,536,789	5,101,099,686
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5,401,659,356	5,131,869,630
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1,674,796,445	18,958,054
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,674,796,445	18,958,054
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	206,205,163,031	272,550,115,942

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**Đơn vị tính: VND**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2006
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	336,921,895,556	332,278,574,121
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2,261,818,322	4,305,926,645
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	334,660,077,234	327,972,647,476
4	Giá vốn hàng bán	256,075,510,430	248,215,254,640
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78,584,566,804	79,757,392,836
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,452,278,890	191,693,584
7	Chi phí tài chính	9,488,025,687	11,814,018,609
8	Chi phí bán hàng	50,722,815,134	54,390,019,127
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7,823,558,164	7,217,912,647
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12,002,446,709	6,527,136,037
11	Thu nhập khác	1,889,814,664	1,350,410,126
12	Chi phí khác	762,216,091	617,531,443
13	Lợi nhuận khác	1,127,598,573	732,878,683
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13,130,045,282	7,260,014,720
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,130,093,908	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,999,951,374	7,260,014,720
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,657	1,486

IV. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

1. Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước

tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

(A) Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội cho năm tài chính 2007:

Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

V. Tổ chức và nhân sự:

V.1 - Cơ cấu tổ chức của công ty (bản kèm theo)

V.2 - Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1/ - Tổng giám đốc: Ông Trần Đăng Tuấn

- Sinh ngày : 02/09/1956.
- Thường trú tại : 29 Tây Sơn - Quận Đống Đa - Hà Nội.
- Tốt nghiệp : Đại học tài chính kế toán

- Trình độ : Cử nhân Kinh tế - Tài chính.

*) Quá trình công tác:

- Năm 1975 – 1982: Học ở Liên Xô;

- Năm 1982 – 1985: Làm việc tại Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội;

- Năm 1986 – 2001: Phó Giám đốc Xí nghiệp thiết kế - Công ty tư vấn đầu tư Xây dựng;

- Năm 2001 – 2003: Sáng lập viên, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội;

- Tháng 8/2005 – 10/2006: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội;

- Tháng 10/2006 – Nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Sữa Hà Nội.

2/ - Ông **Đinh Văn Thịnh** - Phó **tổng giám đốc** (đã thôi không tham gia điều hành - thôi nhiệm chức PTGD từ 15/02/2008)

- Sinh ngày : 15/07/1958

- Thường trú : Nhà A5, làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Tốt nghiệp : Đại học Luật

- Trình độ : Cử nhân Luật kinh tế.

*) Quá trình công tác:

- Năm 1979 - 1982: Giáo viên dạy nghề tại Liên Xô;

- Năm 1983 – 1984: Tổng cục dạy nghề;

- Năm 1984 – 1990: Quản lý lao động (Liên Xô);

- Năm 1991 – 1999: Công ty DETESCO TW Đoàn (đại diện Thương mại tại Liên Xô);

- Năm 1999 – 2001: Phó Giám đốc chi nhánh Công ty Du lịch dịch vụ Vạn Hoa – Thành uỷ Hải Phòng tại Hà Nội;

- Năm 2001 – 2007: Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Nhà máy, Tổng Giám đốc Công ty);

- Năm 2007 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội.

3/ - Ông **Nguyễn Đại Huệ** - Phó **tổng giám đốc** (chính thức từ 15/02/2008)

- Sinh ngày : 04/09/1972

- Tốt nghiệp : Đại học tổng hợp Hà Nội.

- Trình độ : Cử nhân khoa học.
- Thường trú : C13 ngõ 109 Trường Chinh - Phường Liệt Thanh Xuân - Hà Nội.

*) Quá trình công tác:

- Năm 1990 – 1994: sinh viên trường Đại học tổng hợp Hà Nội.
- Năm 1995 – 2000: Công tác tại công ty Pepsi.
- 2001 – 2002: Công tác tại công ty IC Việt Nam.
- 2003- 2004: Công tác tại công ty Laska.
- 2004 - 12/2007: Công tác tại Công ty bia Đại Việt.
- 01/2008 – nay: Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần sữa Hà Nội.

V.3. -Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: (theo nội dung trong SYLL trên).

V.4. - Quyền lợi của Ban Giám đốc:

- + Tiền lương Tổng giám đốc: 20.000.000đ/tháng.
- + Tiền lương Phó tổng giám đốc: 16.000.000đ/tháng.

V.5. - Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

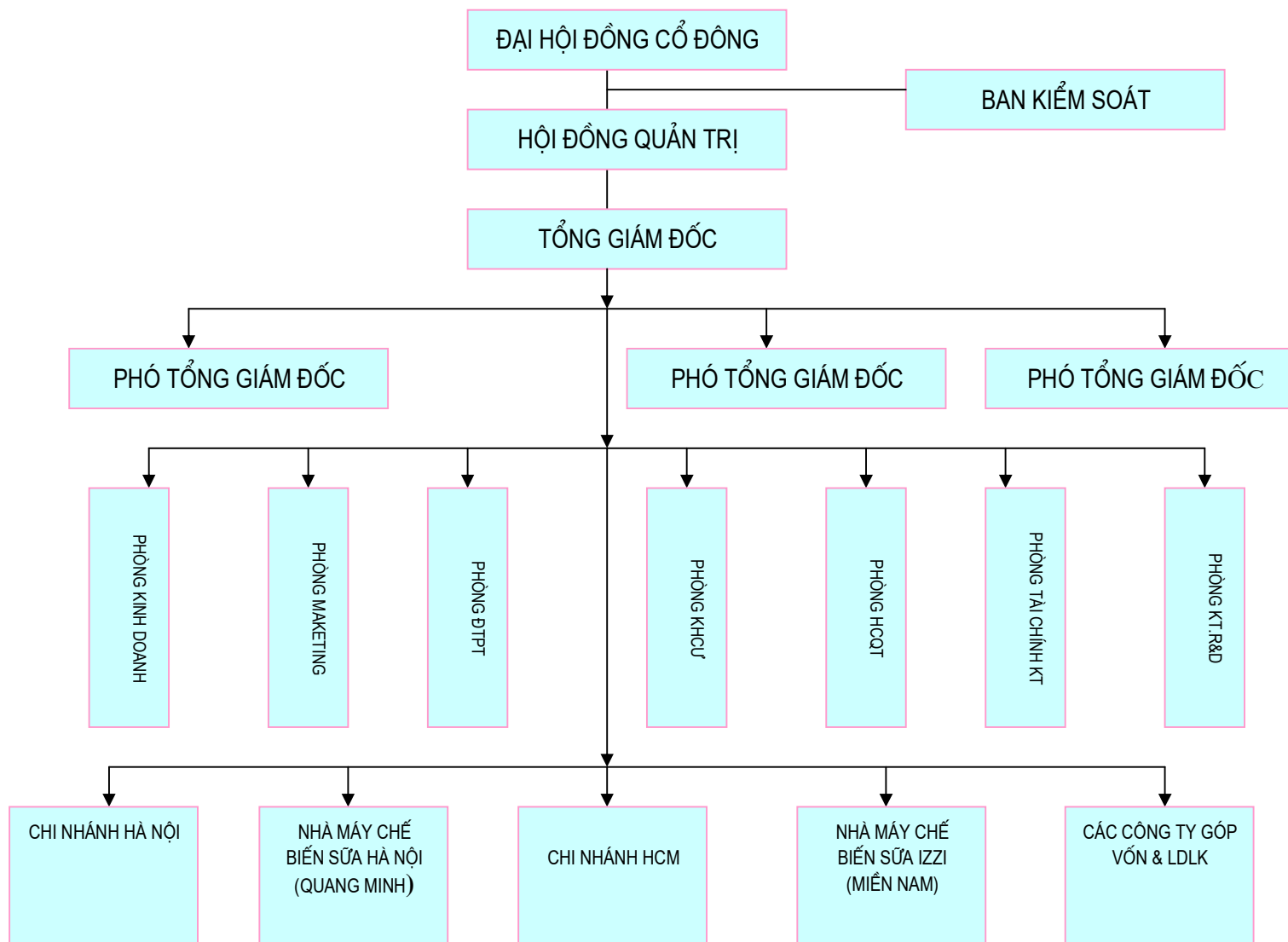
- + Số lượng CBCNV tính đến ngày 31/12/2007: 437 người.
- + Lương bình quân: 2.5triệu đồng/tháng /người

V.6. - Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng: Thay đổi thành viên HĐQT, Kế toán trưởng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI
Hanoimilk

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



VI. Thông tin cổ đông/ thành viên góp vốn và quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị/ Hội đồng thành viên/ Chủ tịch và Ban Kiểm soát/ kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch Công ty:

+ Hội đồng Quản trị:

STT	Tên họ	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Đăng Tuấn	Chủ tịch	Kiểm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
2	Đinh Văn Thịnh	Phó Chủ tịch	Đã thôi tham gia điều hành từ 15/02/2008
3	Nguyễn Thị Xuân Sâm	Thành viên	Không tham gia điều hành
4	Đặng Xuân Tân	Thành viên	Không tham gia điều hành

+ Ban kiểm soát:

STT	Tên họ	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Len	Trưởng ban	
2	Lê Minh Tú	Thành viên	
3	Nguyễn Thị Hương	Thành viên	

- Hoạt động của HĐQT: Trong năm 2007 Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ để chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua nghị quyết HĐQT.

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát hoạt động và giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT năm 2007 là 239.990.027 đồng và thành viên Ban kiểm soát năm 2007 là 84.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT tính đến thời điểm ngày 21/03/2008:

+ HĐQT:

STT	Tên họ	Số cổ phần	Ghi chú
1	Trần Đăng Tuấn	262.000	
2	Đinh Văn Thịnh	193.800	
3	Nguyễn Thị Xuân Sâm	192.500	
4	Đặng Xuân Tân	5.720	đại diện: 148.500 cp

+ Ban Kiểm soát:

<i>STT</i>	<i>Tên họ</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Thị Len	7.645	
2	Lê Minh Tú	16.000	
3	Nguyễn Thị Hương	5.200	

- Trong năm 2007 giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát: Không có

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/03/2008, cơ cấu cổ đông của HNM được phân bổ như sau:

Cơ cấu/NĐT	Số lượng NĐT	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Nhà đầu tư trong nước	5,516	9,064,880	91	
Nhà đầu tư nước ngoài	47	935,120	9	
<u>Trong đó:</u>				
Hội đồng Quản trị	4	654,020	7	
Nhà đầu tư sở hữu 1,5% trở lên	11	2,357,570	24	

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 4 năm 2008
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI
Chủ tịch HĐQT

TRẦN ĐĂNG TUẤN